

Bản án số: **04/2024/HS-ST**
Ngày: 12 - 06 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và ông Phạm Minh Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Lương Nghĩa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 03 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 05 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo **Huỳnh Văn D.** Sinh ngày 22/05/1994 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: tổ Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 01/09/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Ngày 24/3/2021 bị Công an huyện B, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “đánh nhau” với số tiền là 750.000 đồng.

- Ngày 29/10/2021 bị Công an huyện B, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thi hành công vụ” với số tiền là 2.500.000 đồng.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ, tạm giam” từ ngày 10/07/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Mai Văn T.** Sinh ngày 29/02/1992 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Văn H1, sinh năm 1966 và bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1965; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ, tạm giam” từ ngày 10/07/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo **Ngô Quang T1.** Sinh ngày 28/05/1997 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: tổ M, thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô P, sinh năm 1971 và bà Dương Thị H2, sinh năm 1976; Có vợ là Huỳnh Thị Thanh H3, sinh năm 1998 (đã ly hôn) và có 01 con. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ, tạm giam” từ ngày 10/07/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo **Trần Văn Đ.** Sinh ngày 24/04/2000 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T2, sinh năm 1975 và bà Thái Thị Mỹ T3, sinh năm 1975; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ, tạm giam” từ ngày 26/8/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1967. Địa chỉ: tổ M, thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 10/7/2023, bị cáo Huỳnh Văn D dùng tài khoản “*Vu Tan*” nhắn tin qua ứng dụng Messenger đến tài khoản “*Trà Mai*” của bị cáo Mai Văn T để xin tiền nạp card điện thoại. Bị cáo T chuyển khoản cho bị cáo D tiền nạp điện thoại và nói mới thắng game trên mạng được một triệu đồng nên rủ bị cáo D mua ma túy để sử dụng. Bị cáo D đồng ý. Bị cáo T sử dụng điện thoại chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng T7 số 2205621521 đến tài khoản ngân hàng M1 số 0377857138 của bị cáo D số tiền 700.000 đồng. Sau khi chuyển xong thì bị cáo T chụp ảnh màn hình giao dịch gửi cho bị cáo D. Bị cáo D nhắn tin đến tài khoản Messenger “*Tường Ngô*” của bị cáo Ngô Quang T1 để bảo bị cáo T1 đi mua ma túy đá với số lượng “*nửa g*” (tức 0,5gam) từ bị cáo Trần Văn Đ mang về sử dụng chung. Bị cáo D cũng nói tiền mua ma túy là của bị cáo T (bị cáo D chuyển hình ảnh giao dịch của bị cáo T trước đó qua cho bị cáo T1 biết). Sau đó, bị cáo T1 liên hệ đến tài khoản Messenger “*Trần Văn Đ*” của bị cáo Đ để hỏi mua ma túy nhưng

không thấy trả lời nên nói lại cho bị cáo D biết. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo D nhắn tin với bị cáo Đ thì biết bị cáo Đ đang ở T chuẩn bị về lại T. Bị cáo D nói với bị cáo Đ về việc bị cáo T1 sẽ xuống mua ma túy đá rồi bị cáo Dương n cho bị cáo T1 biết bị cáo Đ sắp về. Bị cáo D rút tiền từ tài khoản ngân hàng M1 số 0377857138 về ứng dụng ví điện tử M rồi chuyển đến tài khoản ví điện tử Momo của bị cáo T1 số tiền 700.000 đồng. Sau đó, bị cáo T1 điều khiển xe máy đi từ thị trấn T, huyện B đến xã T, huyện T, đến khu vực ngã ba Cụ H thuộc thôn B, xã T, huyện T thì bị cáo T1 gọi cho bị cáo Đ biết đã đến T và dùng ứng dụng Momo chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng V số 9396920269 của bị cáo Đ số tiền 600.000 đồng. Sau đó, bị cáo T1 điều khiển xe đi vào một cây cầu nhỏ cách ngã ba Cụ H4 khoảng 400 mét rồi dừng lại. Khoảng năm phút sau, bị cáo Đ điều khiển xe máy đến khu vực trên gặp bị cáo T1 và đưa một gói ni lông chứa ma túy đá. Bị cáo Đ khai nhận mua gói ma túy đá trên từ một người tên D1 (không rõ lai lịch) tại khu vực ngã ba Cụ H4 trước đó với số tiền là 500.000 đồng. Sau khi giao ma túy xong thì bị cáo Đ rời đi, còn bị cáo T1 cầm gói ma túy trên tay và điều khiển xe về nhà tại tổ M, thị trấn T, huyện B. Bị cáo T1 bỏ gói ma túy mua được vào một gói thuốc lá nhãn hiệu Prince và để dưới nền nhà sát chân giường trong phòng ngủ. Đến khoảng 15 giờ 17 phút cùng ngày, bị cáo D nhắn tin hỏi bị cáo T1 “lên chưa” thì bị cáo T1 nói lại là đã mua được ma túy và về lại nhà nhưng phải chờ đến khoảng 16 giờ, khi vợ bị cáo T1 đi làm thì mới đến nhà bị cáo T1 sử dụng ma túy. Đồng thời, bị cáo T1 bảo bị cáo D nhắn tin cho bị cáo T tới nhà bị cáo T1 để cùng sử dụng ma túy. Bị cáo D nhắn tin nói đến nhà bị cáo T1 để sử dụng ma túy thì bị cáo T đồng ý. Sau khi chờ vợ đi làm xong, trên đường về nhà bị cáo T1 ghé nhà bị cáo D ở tại tổ Đ, thị trấn T chờ bị cáo D về nhà bị cáo T1 để sử dụng ma túy. Khi về đến nhà bị cáo T1 thì bị cáo D chưa sử dụng ngay mà mượn xe của bị cáo T1 đi ra ngoài. Lúc này, bị cáo T1 lấy gói ma túy từ trong gói thuốc lá ra, trích một ít ma túy từ trong gói ma túy vừa mua được đổ vào ống thủy tinh (thường gọi là “nỏ”, dụng cụ sử dụng ma túy đá) rồi bỏ lại gói ma túy vào gói thuốc lá. Bị cáo T1 dùng bật lửa hơi nóng “nỏ” chứa ma túy đá và hít được ba hơi ma túy đá. Lúc này, bị cáo D quay lại, đi vào nhà và hỏi bị cáo T1 ma túy đâu thì bị cáo T1 đưa gói thuốc lá chứa gói ma túy cho bị cáo D xem. Bị cáo D thấy lượng ma túy ít nên nhắn tin cho bị cáo Đ thì bị cáo Đ trả lời lại do ma túy đắt. Vì sợ bị công an phát hiện nên bị cáo T1 đi ra trước nhà đứng canh cho bị cáo D sử dụng ma túy ở trong phòng. Tại phòng ngủ thì bị cáo Dương hít ba hơi ma túy. Khoảng mấy phút sau thì bị cáo T1 vào lại phòng. Lúc này, bị cáo T cũng tới nhà bị cáo T1 và đi vào phòng ngủ của bị cáo T1. Tại đây, bị cáo T thấy bị cáo D và bị cáo T1 đang cầm điện thoại chơi game, trong ống thủy tinh vẫn còn ma túy. Bị cáo T ngồi xuống và hút hai hơi ma túy rồi cầm điện thoại chơi game. Khoảng mười phút sau, Công an thị trấn T phối hợp với Công an huyện B bắt quả tang các đối tượng và tạm giữ những đồ vật gồm: một bộ dụng cụ để sử dụng ma túy đá (01 chai nhựa đục 02 lỗ, 01 lỗ có gắn ống hút, 01 lỗ gắn ống thủy tinh uốn cong một đầu, trong

ống thủy tinh có chứa chất ma túy, màu trắng); một gói thuốc lá nhãn hiệu Prince, trong gói thuốc có 08 điếu thuốc và 01 gói ni lông chứa chất ma túy, màu trắng và một số đồ vật, tài sản khác. Quá trình xét nghiệm chất ma túy thông qua mẫu nước tiểu bằng que thử MDT-17 đối với bị cáo T, bị cáo D và bị cáo T1 đều cho kết quả dương tính với nhóm chất ma túy ATS (methamphetamine, amphetamine, MDMA).

Tiếp đó, vào tối ngày 25/8/2023, bị cáo Trần Văn Đ điều khiển xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát 92M1-193.19 từ thị trấn T hướng về xã T và ghé vào quán trà sữa của chị Dương Thị Thanh L để mua trà sữa. Trong quá trình đi từ T đến lúc mua trà sữa thì bị cáo Đ cầm trên tay một gói ni lông, chứa ma túy đá. Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 25/8/2023, trong lúc bị cáo Đ đợi lấy trà sữa thì Tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo Trần Văn Đ. Trong quá trình giữ người thì bị cáo Đ làm rơi một gói ni lông, bên trong chứa chất ma túy, màu trắng, dạng tinh thể và các đồ vật khác gồm: điện thoại di động, số tiền 80.000 đồng, mũ lưỡi trai màu trắng, khẩu trang màu trắng. Bị cáo Đ khai nhận gói ma túy trên mua từ một người đàn ông tên D1 (không rõ lai lịch) khoảng hai ngày trước đó với giá 1.500.000 đồng để sử dụng và bán nếu có người hỏi mua. Đến ngày 26/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thi hành lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của bị cáo Trần Văn Đ tại tổ B, thôn B, xã T, huyện T tiếp tục tạm giữ một số đồ vật có liên quan, gồm: một áo khoác đen cổ xù lông trắng (là chiếc áo mà bị cáo Đ mặc trong ngày bán ma túy cho bị cáo T1); một mẫu ni lông không màu, kích thước 0,4cm x 2,3cm, có bám dính chất tinh thể màu trắng và một số đồ vật có liên quan.

Tại Kết luận giám định số 100/KL-KTHS (MT) ngày 17/7/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận về đối tượng giám định thu giữ tại nhà bị cáo Ngô Quang T1 như sau:

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong túi ni lông không màu gửi giám định (mẫu ký hiệu A1) là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,208 g (không phải hai trăm lẻ tám gam).

- Chất rắn màu trắng bám dính bên trong vỏ thủy tinh (mẫu ký hiệu A2) là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,027 g (không phải không trăm hai mươi bảy gam).

Tại Kết luận giám định số 141/KL- KTHS (MT) ngày 08/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận về đối tượng giám định thu giữ của bị cáo Trần Văn Đ như sau:

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng gửi giám định (mẫu ký hiệu A1) là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 4,985 g (bốn phẩy chín trăm tám mươi lăm gam).

- Chất rắn màu trắng bám dính trên 01 (một) mảnh ni lông gửi giám định (mẫu ký hiệu A2) là ma túy, loại Methamphetamine. Do lượng mẫu bám dính trên vật mang (mảnh ni lông) quá ít nên không thể xác định được khối lượng của mẫu vật.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKSBTM ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Huỳnh Văn D, bị cáo Mai Văn T và bị cáo Ngô Quang T1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố bị cáo Trần Văn Đ về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung truy tố theo bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn D mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/7/2023.

Xử phạt bị cáo Mai Văn T mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/7/2023.

Xử phạt bị cáo Ngô Quang T1 mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/7/2023.

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/8/2023.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 92V1-073.69 của bị cáo Ngô Quang T1. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Realme C21Y, màu xanh đen, Imei 1: 869677050421234, Imei 2: 869677050421226, gắn 02 sim số thuê bao 0377.857.139 và 0362.049.560, điện thoại bị bể mắt camera sau, có ốp lưng nhựa màu đen (đã được niêm phong) của bị cáo Huỳnh Văn D. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A92, màu đen, Imei 1 : 867511050512076, Imei 2: 867511050512068, gắn 01 sim số thuê bao 0329.918.530, có ốp lưng nhựa màu đen (đã được niêm phong) của bị cáo Mai Văn T. 01 (một) điện thoại di động, màu xanh đen, Imei 1: 866376049518571, Imei 2: 866376049518563, gắn 01 sim số

thuê bao 0373.267.437, có ốp lưng nhựa màu đen (đã được niêm phong) của bị cáo Ngô Quang T5. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Apple, loại Iphone, màu xanh nhạt (đã được niêm phong) của bị cáo Trần Văn Đ.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì giấy đã được niêm phong, loại bì giấy dùng để gửi công văn của Phòng K Công an tỉnh Q số 100/PC09, bên trong có 0,135 gam (không phải, một trăm ba mươi lăm gam ma túy) mẫu ký hiệu A1, 01 nỏ thủy tinh và toàn bộ bao gói các mẫu vật sau giám định. 01 (một) vỏ chai nhựa, nhãn hiệu Sting, màu đỏ, trên nắp chai có hai lỗ hình tròn. 01 (một) ống hút nhựa, không màu, dài 22 cm. 01 (một) bật lửa, màu vàng. 01 (một) gói thuốc “Prince”, bên trong có 08 (tám) điếu thuốc lá. 01 (Một) gói ni lông, không màu, có chứa chất rắn dạng tinh thể. 01 (Một) mẫu ni lông không màu, kích thước 0,4cm x 2,3cm có bám dính chất tinh thể màu trắng. (Sau khi gửi giám định được hoàn trả 4,075g (bốn phẩy không trăm bảy mươi lăm gam) mẫu A1; 01 mảnh ni lông không màu, kích thước 0,4 cm x 2,3 cm và toàn bộ các bao gói mẫu vật sau giám định; được niêm phong trong 01 bì giấy, loại bì giấy dùng để gửi công văn của Phòng K Công an tỉnh Q số 141/PC09 và 01 (một) túi ni lông không màu, dạng túi có khóa ở miệng túi (gọi là túi zip), kích thước 7,6 cm x 4 cm). 01 (một) thanh nhựa, hình trụ tròn, màu đen, dài 12,5 cm, đường kính 13 cm. 01 (một) thanh kim loại (hình dạng giống dao bấm), dài 12,5 cm. 01 (một) gói thuốc “WHITE HORSE”, bên trong có 5 (năm) điếu thuốc lá. 01 (một) ví da màu đen. 01 (một) mũ lưỡi trai, màu trắng. 01 (một) khẩu trang, màu trắng. 01 (một) bật lửa, màu tím, trên phần kim loại có dòng chữ “HAPHO.CO”; 01 (một) bật lửa, màu tím vàng, trên phần kim loại có dòng chữ “HAPHO.CO”; 01 (một) cái kéo, bằng kim loại, màu đen, phần mũi kéo chuyển màu đen, dài 8,5cm, rộng 4,7cm; 02 (hai) túi ni lông, có khóa nhựa ở miệng túi (thường gọi là túi zip), kích thước 3,2cm x 3cm (đã được niêm phong). 01 (một) áo khoác, màu đen, cổ áo kiểu lông xù, màu trắng, phía áo có dòng chữ “DFBONMASDTU”, gấn nút áo bằng kim loại, phía trước trên túi áo có dòng chữ “HERTVONMWEZT”.

- Trả lại bị cáo Mai Văn T: 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 92V1-022.96. Số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Trần Văn Đ: số tiền 1.090.000 đồng (một triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng), gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng. 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng V1 tên “TRAN VAN DOAN”. 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng V tên “TRAN VAN DOAN”. 01 (một) Căn cước công dân tên “TRẦN VĂN ĐOAN”.

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền 100.000 đồng mà bị cáo Trần Văn Đ có được từ việc bán ma túy.

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền 100.000 đồng mà bị cáo Ngô Quang T1 có được từ việc đi mua ma túy.

Các bị cáo nói lời sau cùng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ 09 giờ 47 phút đến 16 giờ 00 phút ngày 10/7/2023, bị cáo Mai Văn T đã chuyển khoản số tiền 700.000 đồng cho bị cáo Huỳnh Văn D để mua ma túy, sau đó bị cáo D liên lạc với bị cáo Trần Văn Đ hỏi về việc mua ma túy và tiếp tục chuyển khoản số tiền này cho bị cáo Ngô Quang T1 để bị cáo T1 trực tiếp đi mua ma túy của bị cáo Trần Văn Đ. Sau khi mua được ma túy, các bị cáo đang tổ chức sử dụng tại nhà của bị cáo T1 (bị cáo Dương hút được 03 hơi, bị cáo Trà hút được 02 hơi, bị cáo T1 hút được 03 hơi) thì bị Công an thị trấn T, huyện B và Công an huyện B phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại hiện trường 0,235 gam ma túy, loại Methamphetamine.

Đối với bị cáo Trần Văn Đ đã có hành vi bán ma túy cho bị cáo T1 được thu giữ vào ngày 10/7/2023 có khối lượng là 0,208 gam + 0,027 gam = 0,235 gam (không phải hai trăm ba mươi lăm gam). Đồng thời quá trình điều tra, tại thời điểm bị bắt giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ của bị cáo Đ 4,985 gam ma túy nhằm mục đích vừa sử dụng vừa bán cho người khác. Tổng khối lượng ma túy mà bị cáo Đ đã có hành vi bán là 5,220 gam ma túy, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Văn D, Mai Văn T, Ngô Quang T1 và Trần Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu và thẩm tra phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 10/7/2023, biên bản khám xét ngày 10/7/2023, biên bản ghi nhận diễn biến sự việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 25/8/2023, biên bản khám xét ngày 26/8/2023, bản ảnh hiện trường, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ được tại hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập. Phù hợp với các kết luận giám định xác định các bị cáo sử dụng và mua bán là ma túy, loại Methamphetamine.

Như vậy, Cáo trạng số 05/CT-VKSBTM ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Huỳnh Văn D, Mai Văn T và Ngô Quang T1 đã phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, với tình tiết định khung là “*Đối với 02 người trở lên*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung

năm 2017. Hành vi của bị cáo Trần Văn Đ đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, với tình tiết định khung là “*Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo Huỳnh Văn D, Mai Văn T và Ngô Quang T1 là những người đã thành niên, nhận thức được việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng không tuân thủ, bản thân các bị cáo là người nghiện ma túy nhưng không tích cực cai nghiện mà mua ma túy về để sử dụng. Trong vụ án này, bị cáo Mai Văn T là người khởi xướng, chuyển số tiền 700.000 đồng để bị cáo D tìm chỗ mua ma túy về sử dụng. Bị cáo Huỳnh Văn D là người trực tiếp liên lạc với bị cáo Trần Văn Đ, là người bán ma túy để trao đổi về việc mua ma túy, sau đó chuyển tiền cho bị cáo T1 đi mua. Bị cáo Ngô Quang T1 là người trực tiếp đi mua ma túy từ bị cáo Trần Văn Đ, sau đó đem về nhà của bị cáo, chuẩn bị ống thủy tinh (thường gọi là nỏ) để sử dụng ma túy. Cả ba bị cáo lấy phòng ngủ của nhà bị cáo T1 để sử dụng ma túy. Hành vi của các bị cáo phạm tội với tình tiết định khung đối với 02 người trở lên. Quá trình điều tra xác định số ma túy 0,208 gam đang để trong vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Prince là số ma túy các bị cáo đang sử dụng, trường hợp không bị bắt quả tang thì các bị cáo tiếp tục sử dụng nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Đối với bị cáo Trần Văn Đ là người đã thành niên, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm. Bản thân bị cáo là người nghiện ma túy nhưng không tích cực cai nghiện mà ngược lại đã mua ma túy của người khác về sử dụng, sau đó bán lại cho các đối tượng nghiện khác. Bị cáo đã bán ma túy cho bị cáo T1 vào ngày 10/7/2023 với khối lượng là 0,235 gam. Đồng thời tại thời điểm bị bắt giữ, Cơ quan điều tra đã thu giữ 4,985 gam ma túy trên người của bị cáo và bị cáo khai nhận số ma túy này nhằm mục đích để sử dụng và bán cho người khác. Như vậy, ma túy mà bị cáo đã bán là loại Methamphetamine với khối lượng là 5,220 gam.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp gây nguy hại cho xã hội, làm gia tăng tình trạng nghiện chất ma túy, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, thể hiện tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hối hận và muốn sửa chữa những sai lầm về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Riêng bị cáo Trần Văn Đ là bộ đội xuất ngũ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tuy nhiên, nhân thân của của bị cáo Huỳnh Văn D đã từng bị xử phạt về tội trộm cắp tài sản, xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi đánh nhau, có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thi hành công vụ. Bản thân các bị cáo đang nghiện ma túy nhưng không tích cực cai nghiện mà thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy.

[4] Các bị cáo Huỳnh Văn D, Mai Văn T, Ngô Quang T1 và Trần Văn Đ không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Các tình tiết khác của vụ án: Đối với người tên D1 mà bị cáo Trần Văn Đ khai nhận đã mua ma túy nhưng không rõ họ tên, địa chỉ nên không có cơ sở xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến thu giữ vật chứng và xử lý vật chứng đảm bảo quy định của pháp luật. Các vật chứng thu giữ còn lại được xử lý như sau:

[6.1] Đối với 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 92V1-073.69 của bị cáo Ngô Quang T1. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Realme C21Y, màu xanh đen, Imei 1: 869677050421234, Imei 2: 869677050421226, gắn 02 sim số thuê bao 0377.857.139 và 0362.049.560, điện thoại bị bể mắt camera sau, có ốp lưng nhựa màu đen (đã được niêm phong) của bị cáo Huỳnh Văn D. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A92, màu đen, Imei1 : 867511050512076, Imei 2: 867511050512068, gắn 01 sim số thuê bao 0329.918.530, có ốp lưng nhựa màu đen (đã được niêm phong) của bị cáo Mai Văn T. 01 (một) điện thoại di động, màu xanh đen, Imei 1: 866376049518571, Imei 2: 866376049518563, gắn 01 sim số thuê bao 0373.267.437, có ốp lưng nhựa màu đen (đã được niêm phong) của bị cáo Ngô Quang T5. 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Apple, loại Iphone, màu xanh nhạt (đã được niêm phong) của bị cáo Trần Văn Đ, là công cụ, phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6.2] Đối với 01 (một) bì giấy đã được niêm phong, loại bì giấy dùng để gửi công văn của Phòng K Công an tỉnh Q số 100/PC09, bên trong có 0,135 gam (không phẩy, một trăm ba mươi lăm gam ma túy) mẫu ký hiệu A1; 01 nỏ thủy tinh và toàn bộ bao gói các mẫu vật sau giám định; 01 (một) vỏ chai nhựa, nhãn hiệu Sting, màu đỏ, trên nắp chai có hai lỗ hình tròn; 01 (một) ống hút nhựa, không màu, dài 22 cm; 01 (một) bật lửa, màu vàng; 01 (một) gói thuốc “Prince”, bên trong có 08 (tám) điếu thuốc lá; 01 (một) gói ni lông, không màu, có chứa chất rắn dạng tinh thể; 01 (một) mẫu ni lông không màu, kích thước 0,4 cm x 2,3 cm có bám dính chất tinh thể màu trắng (sau khi gửi giám định được hoàn trả 4,075 gam (bốn phẩy không trăm bảy mươi lăm gam) mẫu A1; 01 mảnh ni lông không màu, kích thước 0,4 cm x 2,3 cm và toàn bộ các bao gói mẫu vật sau giám định, được niêm phong trong 01 bì giấy, loại bì giấy dùng để gửi công văn của Phòng K Công an tỉnh Q số 141/PC09; 01 (một) túi ni lông không màu, dạng túi có khóa ở miệng túi (gọi là túi zip), kích thước 7,6 cm x 4 cm); 01 (một) thanh nhựa, hình trụ tròn, màu đen, dài 12,5 cm, đường kính 13 cm; 01 (một) thanh kim loại (hình dạng giống dao bấm), dài 12,5 cm; 01 (một) gói thuốc “WHITE HORSE”, bên trong có 05 điếu thuốc lá; 01 (một) ví da màu đen; 01 (một) mũ lưỡi trai, màu trắng; 01 (một) khẩu trang, màu trắng; 01 (một) bật lửa, màu tím, trên phần kim loại có dòng chữ “HAPHO.CO”; 01 (một) bật lửa, màu tím vàng, trên phần kim loại có dòng chữ “HAPHO.CO”; 01 (một) cái kéo, bằng kim loại, màu đen, phần mũi kéo chuyển màu đen, dài 8,5cm, rộng 4,7cm; 02 (hai) túi ni lông, có khóa nhựa ở miệng túi (thường gọi là túi zip), kích thước 3,2cm x 3cm (đã được niêm phong); 01 (một) áo khoác, màu đen, cổ áo kiểu lông xù, màu trắng, phía áo có dòng chữ “DFBONMASDTU”, gấn nút áo bằng kim loại, phía trước trên túi áo có dòng chữ “HERTVONMWEZT”, là công cụ mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội và là tài sản của các bị cáo nhưng các bị cáo không nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6.3] Đối với 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 92V1-022.96 của bị cáo Mai Văn T; Số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng của bị cáo Mai Văn T; Số tiền 1.090.000 đồng (một triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng), gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng của bị cáo Trần Văn Đ; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng V1 tên “TRAN VAN DOAN”; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng V tên “TRAN VAN DOAN”; 01 (một) căn cước công dân tên “TRẦN VĂN ĐOAN”, là tài sản của các bị cáo Mai Văn T, Trần Văn Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Mai Văn T và bị cáo Trần Văn Đ theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106

của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng tiếp tục tạm giữ các vật chứng là tiền mặt để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6.3] Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Quang T1 khai nhận số tiền mua ma túy là 500.000 đồng, còn lại 200.000 đồng thì bị cáo T1 có trả lại cho bị cáo T nhưng bị cáo T đã cho luôn bị cáo T1. Còn bị cáo T1 đã chuyển cho bị cáo Đ số tiền 600.000 đồng, trong đó trả tiền mua ma túy là 500.000 đồng và trả tiền nợ cho bị cáo Đ 100.000 đồng. Do đó, số tiền 200.000 đồng mà bị cáo T1 có được là tiền do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử truy thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Các bị cáo Huỳnh Văn D, Mai Văn T, Ngô Quang T1 và Trần Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn D, Mai Văn T, Ngô Quang T1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt Huỳnh Văn D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/7/2023.

Xử phạt Mai Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/7/2023.

Xử phạt Ngô Quang T1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/7/2023.

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt Trần Văn Đ 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/08/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 92V1-073.69.

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Realme C21Y, màu xanh đen, Imei 1: 869677050421234, Imei 2: 869677050421226, gắn 02 sim số thuê bao 0377.857.139 và 0362.049.560, điện thoại bị bể mắt camera sau, có ốp lưng nhựa màu đen (đã được niêm phong).

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A92, màu đen, Imei 1: 867511050512076, Imei 2: 867511050512068, gắn 01 sim số thuê bao 0329.918.530, có ốp lưng nhựa màu đen (đã được niêm phong).

+ 01 (một) điện thoại di động, màu xanh đen, Imei 1: 866376049518571, Imei 2: 866376049518563, gắn 01 sim số thuê bao 0373.267.437, có ốp lưng nhựa màu đen (đã được niêm phong).

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Apple, loại Iphone, màu xanh nhạt (đã được niêm phong).

- Truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Ngô Quang T1 có được do phạm tội mà có là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

- Trả lại bị cáo Mai Văn T:

+ 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 92V1-022.96.

+ Số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Trả lại bị cáo Trần Văn Đ:

+ Số tiền 1.090.000 đồng (*Một triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng*), gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

+ 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng V1 tên “TRAN VAN DOAN”.

+ 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng V tên “TRAN VAN DOAN”.

+ 01 (một) căn cước công dân tên “TRẦN VĂN ĐOAN”.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) bì giấy đã được niêm phong, loại bì giấy dùng để gửi công văn của Phòng K Công an tỉnh Q số 100/PC09, bên trong có 0,135 gam (không thấy,

một trăm ba mươi lăm gam ma túy) mẫu ký hiệu A1, 01 nỏ thủy tinh và toàn bộ bao gói các mẫu vật sau giám định.

+ 01 (một) vỏ chai nhựa, nhãn hiệu Sting, màu đỏ, trên nắp chai có hai lỗ hình tròn.

+ 01 (một) ống hút nhựa, không màu, dài 22 cm.

+ 01 (một) bật lửa, màu vàng.

+ 01 (một) gói thuốc “Prince”, bên trong có 08 (tám) điếu thuốc lá.

+ 01 (Một) gói ni lông, không màu, có chứa chất rắn dạng tinh thể. 01 (Một) mẫu ni lông không màu, kích thước 0,4cm x 2,3cm có bám dính chất tinh thể màu trắng. (Sau khi gửi giám định được hoàn trả 4,075g (bốn phẩy không trăm bảy mươi lăm gam) mẫu A1; 01 mảnh ni lông không màu, kích thước 0,4 cm x 2,3 cm và toàn bộ các bao gói mẫu vật sau giám định; được niêm phong trong 01 bì giấy, loại bì giấy dùng để gửi công văn của Phòng K Công an tỉnh Q số 141/PC09 và 01 (một) túi ni lông không màu, dạng túi có khóa ở miệng túi (gọi là túi zip), kích thước 7,6 cm x 4 cm).

+ 01 (một) thanh nhựa, hình trụ tròn, màu đen, dài 12,5 cm, đường kính 13 cm.

+ 01 (một) thanh kim loại (hình dạng giống dao bấm), dài 12,5 cm.

+ 01 (một) gói thuốc “WHITE HORSE”, bên trong có 5 (năm) điếu thuốc lá.

+ 01 (một) ví da màu đen.

+ 01 (một) mũ lưỡi trai, màu trắng.

+ 01 (một) khẩu trang, màu trắng

+ 01 (một) bật lửa, màu tím, trên phần kim loại có dòng chữ “HAPHO.CO”; 01 (một) bật lửa, màu tím vàng, trên phần kim loại có dòng chữ “HAPHO.CO”; 01 (một) cái kéo, bằng kim loại, màu đen, phần mũi kéo chuyển màu đen, dài 8,5cm, rộng 4,7cm; 02 (hai) túi ni lông, có khóa nhựa ở miệng túi (thường gọi là túi zip), kích thước 3,2cm x 3cm (đã được niêm phong).

+ 01 (một) áo khoác, màu đen, cổ áo kiểu lông xù, màu trắng, phía áo có dòng chữ “DFBONMASDTU”, gấn nút áo bằng kim loại, phía trước trên túi áo có dòng chữ “HERTVONMWEZT”.

(Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My theo giấy uỷ nhiệm chi và biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/06/2024).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Huỳnh Văn D, Mai Văn T, Ngô Quang T1 và Trần Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/06/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Cơ quan CSĐT huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Hải

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Nghĩa Phạm Minh T6

Lê Thanh H5

